

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **201/2025/DS-ST**.

Ngày: 30/9/2025.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74A/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần (TMCP) K.**

Trụ sở: Số D P, phường R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M** - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Vũ N**, chức vụ: Phó Giám đốc phòng xử lý nợ (theo QĐ số 1934/QĐ-NHKL ngày 09/7/2023).

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Hà Hoàn H**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực - Phòng xử lý nợ của Ngân hàng TMCP K - theo QĐ số 2249/QĐ-NHKL ngày 13/8/2024 (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: số E, ấp T, xã M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2024, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Hoàn H trình bày:

Ông Trương Thanh T có đề xuất vay vốn tại Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là “Ngân hàng”) số tiền là 50.000.000 đồng, theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 với nội dung như sau: Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; Loại thẻ: VISA CLASSIC; Ngày giải ngân: 08/6/2017; Lãi suất trong hạn 22%/năm, 28%/năm; lãi suất quá hạn: 22%/năm, 28%/năm; phí phạt chậm trả: 3,5% x số tiền chậm trả và phí phạt vượt hạn mức: 0,075%/ngày; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế; Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ, ông Trương Thanh T đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở về việc ông T chậm thanh toán trả nợ gốc, lãi khi đến kỳ thanh toán và ông Trương Thanh T cũng đã cam kết nhưng không thực hiện. Tạm tính đến ngày 06/08/2024, ông Trương Thanh T còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể là 209.743.901 đồng (trong đó gốc còn lại chưa thanh toán 49.933.599 đồng; lãi phát sinh 65.083.398 đồng; phí phát sinh 94.726.904 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 209.743.901 đồng (trong đó gốc chưa thanh toán 49.933.599 đồng; lãi phát sinh 65.083.398 đồng; phí phát sinh 94.726.904 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 07/08/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông Hà Hoàn H - đại diện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Trương Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 242.258.769 đồng (trong đó gốc chưa thanh toán còn lại 49.933.599 đồng; lãi phát sinh còn lại 83.075.606 đồng; phí phạt chậm trả còn lại 49.153.343 đồng và phí phạt vượt hạn mức 60.096.221 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Trương Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trương Thanh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Trương Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, mà bị đơn ông Trương Thanh T có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh An Giang) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trương Thanh T được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Trương Thanh T là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét thấy hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức và không trái với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa

vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc buộc ông Trương Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 242.258.769 đồng (trong đó gốc chưa thanh toán còn lại 49.933.599đồng; lãi phát sinh còn lại 83.075.606đồng; phí phạt chậm trả còn lại 49.153.343đồng và phí phạt vượt hạn mức 60.096.221đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ. HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ cụ thể là Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017; đề xuất cấp thẻ tín dụng, giấy uỷ quyền trích nợ tự động và giấy xác nhận thẻ pin có chữ ký, chữ viết tên Trương Thanh T. Bị đơn ông Trương Thanh T đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng ông không trình bày ý kiến xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi cho ông. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù đã được cán bộ Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, tính đến ngày 29/9/2025 thì ông T còn nợ là 242.258.769 đồng (trong đó gốc chưa thanh toán còn lại 49.933.599đồng; lãi phát sinh còn lại 83.075.606đồng; phí phạt chậm trả còn lại 49.153.343đồng và phí phạt vượt hạn mức 60.096.221đồng). Do ông T đã vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Trương Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 242.258.769 đồng là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 192.325.170 đồng. HĐXX xét thấy: Việc Ngân hàng TMCP K áp dụng mức lãi suất, cách tính lãi, khoản phí và yêu cầu ông Trương Thanh T phải trả số nợ lãi, các khoản phí trên là phù hợp với khoản 8.3; 8.10 Điều 8 theo bản Điều khoản điều kiện đính kèm hợp đồng tín dụng; phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8,12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, nên được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng ($242.258.769 \text{ đồng} \times 5\% = 12.112.000 \text{ đồng}$)

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Trương Thanh T.

- Buộc ông Trương Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 242.258.769 (*Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

- Buộc ông Trương Thanh T phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP K theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 20017166000640 ngày 29/05/2017 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Trương Thanh T trả hết nợ cho Ngân hàng.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Trương Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.112.000đồng (*Mười hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ số tiền tạm ứng đã nộp là 5.243.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009740 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - An Giang).

3/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS ND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Điệp